



Title	Một số lưu ý khi dạy quan hệ từ “mà” trong tiếng Việt
Author(s)	Nguyen, Thi Ngoc Tho
Citation	外国語教育のフロンティア. 2022, 5, p. 271-282
Version Type	VoR
URL	https://doi.org/10.18910/87583
rights	
Note	

The University of Osaka Institutional Knowledge Archive : OUKA

<https://ir.library.osaka-u.ac.jp/>

The University of Osaka

Một số lưu ý khi dạy quan hệ từ “mà” trong tiếng Việt

ベトナム語関係詞「mà」の教育上での留意点

NGUYEN THI NGOC THO

要約

本稿は日本人学生の、ベトナム語を学習する上で見られる関係詞「mà」の間違いを追究することを目的とする。

学生の卒業論文原稿等で収集した様々な文法的誤用のデーターから「mà」の誤用例を研究対象として選出し、それらを分析、原因を追究し、法則（パターン）にまとめ、今後ベトナム語教育を施していく上で活用することを目指す。

ベトナム語の虚詞（機能語）「mà」は様々な意味と用法がある。グエン アン クエ 氏によると「mà」は特別な虚詞だという。簡潔に虚詞「mà」の意味と用法を紹介したうえで、関係詞として活用する「mà」について詳しく述べた。

学生の卒業論文原稿等で収集した「mà」の誤用例を分類し、分析した結果、以下の3パターン(法則)に分類できた。それは、①必ずしも使わなくても良い場合、②使ってはならない場合、③使う必要がある場合である。

- ①「mà」を使う条件は修飾語がC－V構造であり、意味がはっきりしている場合は使わなくてもいい。
- ②修飾語がC－Vではない構造の場合は「mà」を使ってならない。また、固有名詞等の後に「mà」を使ってならない。
- ③C－V構造の有無が混同で修飾語が二つ以上ある場合、C－V構造の修飾節の前に「mà」を置かなければならない。また、修飾節で「mà」と前置詞は副詞句(adverb)になった場合、「mà」は必要である。

ベトナム語では関係詞「mà」が必要かどうかは文章の意味明確性、すなわち意味がはっきりとれるかどうか、によるものである。多くの場合は「mà」が必ずしも必要ではないのはそのためである。

また、収集した例から「mà」の間違いの原因を追究した結果、敗の移転による誤用(interlingual error)が学習言語において何らかの原因による誤用(intralingual error)より多いことが分かった。

以上より、ベトナム語関係詞「mà」について、学生に指導する際には本稿の事柄を踏まえる。

キーワード：ベトナム語教育、関係詞

Hư từ “mà” trong tiếng Việt được dùng với nhiều nghĩa khác nhau. Trong bài viết này chúng tôi xin giới thiệu một số cách dùng chính của “mà” và đưa ra những lưu ý khi dạy quan hệ từ “mà” cho sinh viên Nhật dựa trên những lỗi mà chúng tôi thu thập được trong khóa luận tốt nghiệp của sinh viên.

1. Quan niệm và cách giải thích về “mà”

1.1. Quan niệm và cách giải thích về “mà” trong từ điển

Trong Đại từ điển Tiếng Việt “mà” được giải thích như sau:

Liên từ:

1-Từ biểu thị quan hệ đối lập, trái ngược; Ví dụ: nói *mà* không làm; mệt *mà* vẫn cứ làm, không chịu nghỉ.

2-Từ biểu thị ý bổ sung cho điều đã nói; Ví dụ: tốt *mà* rẻ; đã đốt *mà* hay nói chữ.

3-Từ biểu thị mục đích cho điều nói; ví dụ: nói cho *mà* biết; tìm việc *mà* làm.

4-Từ biểu thị hệ quả, kết quả cho điều đã nói đến; Ví dụ: Nhờ có anh *mà* chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

5-Từ biểu thị giả thiết, điều kiện; Ví dụ: Bây giờ *mà* lụt thì mất mùa to; Rồi *mà* mưa thì ướt hết.

6-Từ biểu thị ý nêu rõ cho điều vừa nói về mặt, đặc điểm cụ thể nào; Ví dụ: Người *mà* anh gặp là bạn tôi; Người *mà* anh kể là một nhà báo nổi tiếng.

Trợ từ:

7-Từ nhấn mạnh ý khẳng định, thuyết phục, giải thích với hàm ý sâu kín; Ví dụ: đã bảo *mà*; đôi quá đầy *mà*. (Đại từ điển tiếng Việt, tr.1081)

Như vậy, theo từ điển, “mà” được dùng như liên từ và trợ từ, trong đó liên từ có 6 nghĩa, trợ từ có 1 nghĩa.

1. 2. Quan niệm và cách giải thích về “mà” của Nguyễn Anh Quế

Nguyễn Anh Quế (1988) cho rằng: “Trong hệ thống hư từ tiếng Việt *mà* có thể coi là một hư từ đặc biệt, đặc biệt ở chỗ: do ý nghĩa từ vựng đã gần như bị hư hóa hoàn toàn cho nên ý nghĩa kết hợp hay ý nghĩa cú pháp (synsemantika) rất mạnh. Nó có nhiều chức năng trong nhiều kiểu loại cấu trúc khác nhau”. Tác giả phân loại và phân tích cụ thể hơn về mặt từ loại và cú pháp. Có thể tóm tắt như sau:

1-“mà” đóng vai trò là một giới từ trong các kết cấu đoản ngữ: danh ngữ và động ngữ. Vị trí của nó

tương đối tự do không nhất thiết phải hiện diện.

-trong kết cấu danh ngữ “mà” dùng để nối yếu tố phụ là định ngữ thuyết minh với danh từ trung tâm, ví dụ : Trong đầu có bao nhiêu kiến thức *mà* tôi thiếu thốn; Gió trên cao nguyên biên phòng đúng là cái gió *mà* tất cả các chiến sĩ cán bộ ...đều thuộc lòng trong cảm giác; Ở những nước *mà* bộ máy Nhà nước lực lượng quân sự và công an của giai cấp vô sản còn mạnh thì giai cấp vô sản vẫn cần phải chuẩn bị đấu tranh vũ trang.

-trong kết cấu động ngữ chức năng quan trọng nhất của “mà” là để nối yếu tố phụ chỉ mục đích, ví dụ: Sao chị không xin về đây *mà* làm?

2- “mà” đóng vai trò là một liên từ đơn, dùng để nối hai thành phần câu cùng loại nhưng trái ngược nhau về logic-ý nghĩa, ví dụ: Chúng ta sống ở thời đại vệ tinh *mà* làm ruộng vẫn giữ cách thức đời xưa đời xưa.

3-“mà” cùng với một số phó từ, liên từ tạo thành liên từ ghép: không những...*mà* còn....; chẳng cứ...*mà* cả...; vì (do, tại, bởi)....*mà* ; nếu...*mà*...

4- “mà” đóng vai trò một trợ từ nhấn mạnh, ví dụ: Ai *mà* biết chuyện gì sẽ xảy ra; hoặc một trợ từ ngữ khí từ, ví dụ: Tôi đã bảo *mà*; Kia, đủ 30 ngày rồi *mà*.

5- “mà” còn đặt trước một động từ, tính từ để biểu thị ý nghĩa phủ định với sự trợ giúp ít nhiều của ngữ điệu, ví dụ: Vải này *mà* đẹp; Nói thế *mà* nghe được.

Như vậy, có thể thấy Nguyễn Anh Quế coi “mà” là hư từ và có vai trò như liên từ, giới từ, trợ từ, ngữ khí từ, so với khái niệm sơ lược của từ điển thì hợp lý hơn.

1.3. Nhận xét

So sánh cách giải thích “mà” trong Đại từ điển và của Nguyễn Anh Quế thì thấy “mà” theo Nguyễn Anh Quế có nhiều cách dùng hơn và cách gọi tên cũng phù hợp với chức năng của “mà” hơn. Tuy nhiên nghĩa thứ 2 trong Đại từ điển lại không có trong phần giải thích của Nguyễn Anh Quế và ngược lại nghĩa thứ 5 trong phần giải thích của Nguyễn Anh Quế lại không có trong Đại từ điển.

Chúng tôi sẽ sử dụng cách gọi của Nguyễn Anh Quế liên quan đến hư từ “mà” trong bài viết này. Riêng liên quan đến “mà” trong ví dụ đã nêu ở phần trên: Người *mà* anh gặp là bạn tôi (Đại từ điển tiếng Việt, đã dẫn ở trên); Trong đầu có bao nhiêu kiến thức *mà* tôi thiếu thốn (Nguyễn Anh Quế, đã dẫn ở trên), về bản chất thì chúng giống nhau ở chỗ đứng giáp sau danh từ trung tâm của danh ngữ với chức năng làm định ngữ cho danh từ trung tâm, nhưng theo Đại từ điển Tiếng Việt thì nó được coi là liên từ, còn theo Nguyễn Anh Quế thì nó là một giới từ.

Trong Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài của Vũ Văn Thi (1996) “mà” được gọi conjunction và được giải thích như sau: “Mà” means: which, who, that, when ...as in:

Người *mà* anh gặp hôm qua là em trai tôi. The man who you met yesterday is my brother.

Xe ô tô mà tôi đang đi là xe của bố tôi. The car that I am driving is my father's car.

Hạ Long là nơi mà tôi thích nhất. Hạ Long is the place that I like the most.

Có thể nói, thực chất “mà” theo định nghĩa của Vũ Văn Thi chính là một trong các nghĩa của “mà”, là nghĩa thứ 6 theo từ điển Nguyễn Như Ý, và là nghĩa thứ 1 của Nguyễn Anh Quế.

Chúng tôi xin phép không bàn đến cách gọi của “mà” với chức năng làm định ngữ cho danh từ, nhưng với kinh nghiệm thực tế chúng tôi thấy khi dùng cách gọi từ chỉ quan hệ thì người học có vẻ như dễ hiểu, dễ tiếp thu hơn. Chúng tôi gọi “mà” này là từ chỉ quan hệ hay quan hệ từ để tránh những rắc rối liên quan đến từ loại.

2. Ứng dụng vào phân tích lỗi quan hệ từ “mà” của sinh viên và một số lưu ý

(Ký hiệu được dùng trong phần này: CS: câu sai; CCD: câu chữa đúng; CCD1: Câu chữa đúng 1; CCD2: câu chữa đúng 2)

Nguyễn Anh Quế đã đề cập đến quan hệ từ “mà” như sau : “Trong kết cấu danh ngữ mà dùng để nối yếu tố phụ là định ngữ thuyết minh với danh từ trung tâm (lược).Yếu tố phụ là định ngữ thuyết minh bao giờ cũng phải là một kết cấu C-V và luôn luôn đứng ở giáp cuối danh ngữ ” và “ ...trong các kết cấu đoạn ngữ mà đóng vai trò là một giới từ...” , “Vị trí của nó tương đối tự do không nhất thiết phải hiện diện. Chẳng hạn câu: Người mà anh gặp lúc này là ông Hiệu trưởng đây. Cũng có thể nói: Người anh gặp lúc này là ông Hiệu trưởng đây.” (Nguyễn Anh Quế, 1988, tr. 173, 174).

Như vậy, về nguyên tắc chúng ta có thể đặt “mà” sau danh từ trung tâm của danh ngữ và sử dụng nó với chức năng làm định ngữ cho danh từ đó với điều kiện nó là một kết cấu chủ vị (hay còn gọi là một mệnh đề) và không nhất thiết lúc nào cũng phải có.

Trên thực tế, người học tỏ ra khá lúng túng trong việc sử dụng quan hệ từ “mà”, đặc biệt là khi nào dùng cũng được không dùng cũng được, khi nào không dùng được, khi nào nên hoặc cần dùng “mà”. Dựa trên cứ liệu lỗi mà chúng tôi thu thập được cũng như trên thực tế sử dụng, để giúp người học có cái nhìn rõ hơn về cách sử dụng quan hệ từ “mà”, có thể tạm thời phân chia ra 3 trường hợp với một số lưu ý như dưới đây.

2.1. Một số trường hợp

Trường hợp 1: Quan hệ từ “mà” không bắt buộc phải có

Thường thì đây là những trường hợp dùng quan hệ từ “mà” với cương vị là bổ ngữ trong cấu trúc định ngữ. Nói chung người học ít sai khi dùng quan hệ từ “mà” trong những trường hợp này, miễn là nó được dùng như một kết cấu chủ -vị.

Ví dụ (1): Quyền sách (mà) ông giám đốc Nhà xuất bản đứng ra giới thiệu bị chê thảm hại.
Nếu nói liền gây khó hiểu: “Sách ông giám đốc” (là sách gì), khi viết nên có “mà” cho rõ nghĩa,

còn khi nói có thể ngừng, nghỉ giữa “Quyển sách” với “ông giám đốc...”

Ví dụ (2): Người (mà) tôi định giới thiệu với anh đang đứng kia kia.

Đây cũng là trường hợp giống Ví dụ (1), “mà” không bắt buộc phải dùng.

Ví dụ (3): Người đang đứng ở cửa, mới về từ Nhật là người (mà) tôi muốn giới thiệu với anh.

Ở ví dụ (3) tuy có 2 định ngữ nhưng “mà” cũng không bắt buộc phải dùng,

Những trường hợp trên “mà” không bắt buộc phải dùng. Trong văn nói nếu không dùng “mà” thì dùng một chút sau danh từ trung tâm để người nghe dễ nhận biết phần định ngữ, còn trong khi viết nếu có “mà” thì giúp người đọc dễ nhận biết hơn.

Tuy nhiên, qua xem xét những lỗi ở cương vị bỏ ngữ và trạng ngữ của cấu trúc định ngữ mà chúng tôi sưu tập được trong khóa luận của sinh viên xin có hai lưu ý sau:

-dùng *mà* sau danh từ riêng (xem trong Trường hợp 2b.)

-dùng “mà” thay vì “do”

Hãy xem các câu sau của sinh viên:

Ví dụ (4): Trong khóa luận này tôi sẽ giới thiệu các hoạt động giúp đỡ *mà* cá nhân tổ chức.

Ví dụ(5): Đề tài này lấy đối tượng nghiên cứu là những bài thơ *mà* Hồ Chí Minh sáng tác.

Trong những câu trên “ mà” được dùng ở cương vị bỏ ngữ của cấu trúc định ngữ, về nguyên tắc không sai, dùng “mà” sẽ rõ nghĩa hơn là không dùng. Tuy nhiên trong trường hợp ở cấu trúc định ngữ chủ ngữ chính là nguồn gốc / người/ nơi đã tạo ra sự vật thì có thể dùng “do”và dùng “do” tốt hơn “mà”. Tham khảo các ví dụ sau:

Văn hóa uống cà phê do người Pháp mang vào Việt Nam.

Quốc ca Việt Nam do Văn Cao sáng tác.

Ô tô này do Nhật Bản sản xuất.

Do vậy những câu trên của sinh viên có thể chữa như sau:

Ví dụ (4) CCD:Trong khóa luận này tôi sẽ giới thiệu các hoạt động trợ giúp do cá nhân tổ chức.

Ví dụ (5) CCD: Đề tài lấy đối tượng nghiên cứu là những bài thơ do Hồ Chí Minh sáng tác.

Trường hợp 2 : Không dùng quan hệ từ “mà”

a) với cương vị là chủ ngữ trong cấu trúc định ngữ

Người học mắc lỗi này tương đối nhiều. Dưới đây xin giới thiệu một vài lỗi điển hình trong khóa luận của sinh viên.

Ví dụ (1) CS: Nhật bản tiếp nhận y tá người nước ngoài dựa trên Điều ước hợp tác kinh tế *mà* được có hiệu quả năm 2009 .

Ví dụ (2) CS: Tác giả suy đoán là thanh niên của Việt Nam hiện nay ưa thích dạng giải trí mới *mà* được nhập khẩu từ nước ngoài như Internet, trò chơi điện tử v.v.

Ví dụ (3) CS: Hiện nay, đặc biệt trong các nước tiên tiến người ta rất quan tâm đến y học dự phòng, *mà* một lĩnh vực y học phương Tây

Các ví dụ từ (1) đến (3) trên đây sai vì định ngữ không phải là kết cấu chủ vị mà chỉ là một ngữ nên không dùng “*mà*” được.

Rõ ràng trên đây là những cách diễn đạt chịu ảnh hưởng của tiếng Anh. Người học đã sử dụng quan hệ từ “*mà*” theo kiểu cấu trúc tiếng Anh. Vì vậy, có thể coi đây là những lỗi giao thoa qua tiếng Anh. Về nhóm lỗi này, theo Nguyễn Thiện Nam có hai giải pháp: một là nếu người học dùng “*mà* + vị từ” thì giải pháp là bỏ quan hệ từ “*mà*”, hai là nếu người học dùng “*mà* + là + danh từ” thì dùng dấu gạch ngang giải thích. Các câu trên được chữa như sau:

Ví dụ (1) CCD: Nhật bản tiếp nhận y tá người nước ngoài dựa trên Hiệp định hợp tác kinh tế có hiệu lực từ năm 2009

Ví dụ (2) CCD: Tác giả cho rằng thanh niên Việt Nam hiện nay ưa thích dạng giải trí mới được du nhập từ nước ngoài như Internet, trò chơi điện tử v.v.

Ví dụ (3) CCD: Hiện nay ở các nước tiên tiến, người ta rất quan tâm đến y học dự phòng - một lĩnh vực y học phương Tây.

Tóm lại trong tiếng Việt thường không dùng “*mà*” ở cương vị chủ ngữ ở cấu trúc định ngữ.

b) với danh từ riêng, đại từ nhân xưng

Sau các đại từ nhân xưng như *tôi*, *anh ấy*, *bà ấy* v.v. và các danh từ riêng thì không dùng “*mà*” vì danh từ riêng và đại từ nhân xưng vốn chỉ những cái duy nhất chỉ có một, do vậy không cần “*mà*” để xác định. Trong trường hợp muốn thuyết minh thêm cho danh từ hoặc đại từ đó thì tùy theo từng trường hợp mà phải mượn một danh từ tương ứng với danh từ đó để tạo ra một mệnh đề thuyết minh, đặt sau dấu phẩy để làm rõ phần thuyết minh.

Ví dụ (1): Anh Huy, người phụ trách dự án này, sẽ báo cáo về tiến độ triển khai dự án.
Không nói: Anh Huy *mà* phụ trách dự án này sẽ báo cáo về tiến độ triển khai dự án.

Ví dụ (2): Khách sạn Thăng Long, nơi (mà) tôi đã ở trong thời gian cách ly, là khách sạn 4 sao.
Không nói: Khách sạn Thăng Long *mà* tôi đã ở trong thời gian cách ly là khách sạn 4 sao.

Ví dụ (3): Đây là chả cá Lã Vọng, đặc sản Hà Nội, món mà ông Yamada rất yêu thích.
Không nói: Đây là chả cá Lã Vọng, đặc sản Hà Nội *mà* ông Yamada rất yêu thích.
Sau đây chúng tôi giới thiệu một số câu lỗi liên quan của sinh viên và sau đó nêu cách dùng đúng:
-dùng quan hệ từ “*mà*”sau đại từ nhân xưng ở cương vị chủ ngữ

Ví dụ (1) CS: Thứ ba là về thông tin của tôi *mà* dạy tiếng Việt cho hai người Nhật được ghi âm
phát âm các nguyên âm tiếng Việt lần này

Đây là trường hợp dùng “*mà*” sau đại từ nhân xưng “*tôi*” ở cương vị chủ ngữ của cấu trúc định

ngữ nên không thể dùng “mà”. Trường hợp này phải mượn một danh từ tương ứng với “tôi” và tạo mệnh đề thuyết minh cho “tôi” như sau:

Ví dụ (1) CCD: Thứ ba là về thông tin của tôi, người dạy tiếng Việt cho hai người Nhật và phát âm các nguyên âm tiếng Việt để thu âm lần này.

-dùng quan hệ từ “mà” sau danh từ riêng, tên riêng ở cương vị bổ ngữ

Ví dụ (2) CS:...và cô Hiroko đã nghĩ ra Saori mà cô ấy học làm từ lâu rồi.

Ví dụ (3) CS: Anh Hà mà tôi đã phỏng vấn là người phụ trách đào tạo của công ty xuất khẩu lao động A.

Ví dụ (2)(3) dùng “mà” ở cương vị bổ ngữ, định ngữ là mệnh đề nên về nguyên tắc là có thể dùng được “mà” (Trường hợp 1) nhưng lại là những câu sai vì không thể dùng “mà” sau danh từ riêng, tên riêng. Những trường hợp này, tùy theo nội dung phải dùng một danh từ tương ứng đặt trước “mà” như người, nơi, cái, kiểu v.v., “mà” có thể dùng cũng được hoặc không cũng được. Các câu chữa đúng như sau:

Ví dụ (2) CCD: ...và cô Hiroko đã nhớ ra Saori, kiểu dệt (mà) cô ấy đã học làm cách đây khá lâu.

Ví dụ (3) CCD: Anh Hà, người (mà) tôi đã phỏng vấn là người phụ trách của công ty xuất khẩu lao động A.

-dùng quan hệ từ “mà” sau danh từ riêng, con số ở cương vị trạng ngữ:

Ví dụ (4) CS: Phạm vi đối tượng nghiên cứu là hoạt động của công ty XKLD A mà tôi đã thực tập trong thời gian du học ở Việt Nam, nhân viên và giáo viên làm việc ở công ty đó và học viên người Việt trước khi sang Nhật với tư cách là thực tập sinh kỹ năng.

Ví dụ (4) là câu dùng quan hệ từ “mà” ở cương vị trạng ngữ chỉ nơi chốn, nhưng sai vì dùng sát ngay sau danh từ riêng. Trường hợp này cũng phải mượn một danh từ tương ứng đặt trước “mà”, “mà” không bắt buộc phải có. Câu chữa đúng như sau:

Ví dụ (4) CCD: Phạm vi đối tượng nghiên cứu là hoạt động của công ty XKLD A, nơi (mà) tôi đã thực tập trong thời gian du học ở Việt Nam, nhân viên, giáo viên và học viên người Việt trước khi sang Nhật với tư cách là thực tập sinh kỹ năng.

Ví dụ (5) CS: Năm 2011 mà tôi học lớp 12, là năm xảy ra động đất lớn tại miền Đông Nhật Bản.

Ở ví dụ (5) “mà” được dùng ở cương vị trạng ngữ chỉ thời gian. Trường hợp này cũng không thể dùng “mà” sát ngay sau con số. Ta cũng phải dùng danh từ chỉ thời gian như ngày, tháng, năm, lúc v.v. đặt trước “mà” để tạo ra mệnh đề thuyết minh. Câu chữa đúng như sau:

Ví dụ (5) CCD: Năm 2011, năm (mà) tôi học lớp 12, là năm xảy ra động đất lớn tại miền Đông

Nhật Bản.

Tóm lại, trong tiếng Việt không dùng quan hệ từ “mà” ở cương vị chủ ngữ của cấu trúc định ngữ và không dùng với danh từ riêng, tên riêng, đại từ nhân xưng. Riêng ở cương vị bổ ngữ và trạng ngữ thì “mà” có thể xuất hiện sau danh từ tương ứng được mượn để tạo mệnh đề định ngữ cho danh từ riêng, tên riêng, đại từ nhân xưng nhưng không bắt buộc.(xem Trường hợp 1)

Trường hợp 3: Cần dùng quan hệ từ “mà”

a) Trường hợp danh từ có từ hai định ngữ trở lên thì định ngữ nào là mệnh đề có đầy đủ chủ ngữ - vị ngữ thì lúc đó cần dùng “mà” trước mệnh đề định ngữ đó nhằm phân xuất các định ngữ một cách rõ ràng.

Ví dụ (1): Tôi nghĩ rằng loại tranh (1) vốn từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam, (2) có nguồn gốc từ Trung Quốc, (3) *mà* nghệ nhân Việt Nam sáng tạo lại cho phù hợp với văn hóa Việt Nam thì rất được ưa chuộng.

Câu này có tới 3 định ngữ cho danh từ trung tâm (tranh), thiếu quan hệ từ “mà” nên lủng củng. Trong 3 định ngữ, định ngữ (1) và (2) không phải là mệnh đề, thuộc Trường hợp 2, nên không dùng “mà”, trong khi đó định ngữ (3) là mệnh đề có đầy đủ chủ - vị thì cần có “mà” để tách định ngữ ra, tránh hiểu sai. Câu đúng là câu cần có thêm “mà”: Tôi nghĩ rằng loại tranh (1) vốn từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam (2) có nguồn gốc từ Trung Quốc, (3) *mà* nghệ nhân Việt Nam sáng tạo lại cho phù hợp với văn hóa Việt Nam thì rất được ưa chuộng.

Ví dụ (2): Tôi nghĩ rằng loại tranh (1) vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc, (2) *mà* các thương nhân du nhập về Việt Nam, (3) được sáng tạo lại cho phù hợp văn hóa Việt Nam thì bán rất chạy.

Câu này có 3 định ngữ cho danh từ “tranh” nhưng chỉ định ngữ (2) cần “mà” vì nó là một mệnh đề, còn định ngữ (1) và (3) không cần “mà” thuộc Trường hợp 2.

Ví dụ (3): Tôi nghĩ rằng loại tranh (1) có nguồn gốc từ Trung Quốc (2) *mà* do các thương nhân du nhập về Việt nam thì rất có giá trên thị trường.

Câu này có 2 định ngữ cho danh từ “tranh” nhưng chỉ định ngữ (2) là cần “*mà*” hoặc “do” vì nó là mệnh đề.

Ví dụ (4): Tôi nghĩ rằng loại tranh (1) vốn từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam, (2) có nguồn gốc từ Trung Quốc, (3) được nghệ nhân Việt Nam sáng tạo lại cho phù hợp với văn hóa Việt Nam thì rất được ưa chuộng.

Câu này có 3 định ngữ cho danh từ “tranh”, nhìn qua có vẻ giống ví dụ 1 sau khi đã sửa đúng ở trên. Tuy nhiên, đã có sự biến đổi cơ bản, định ngữ thứ (3) không còn là mệnh đề nữa, do đó lúc này cả 3 định ngữ đều không phải là mệnh đề nên không cần “mà”. Câu này thuộc Trường hợp 2.

Ví dụ (5): Cái cô (1) đứng ở cửa (2) *mà* Giám đốc Nhật đang muốn mời về làm quản lý kia, chính là người tôi kể với anh đây.

Ví dụ (6): Người (1) mới từ Nhật về (2) *mà* Giám đốc đang muốn mời về công ty là cô kia kia. Hai ví dụ 5 và 6 đều có hai định ngữ, định ngữ (2) cần có “mà” để tách hai định ngữ ra vì nó là mệnh đề, chủ ngữ của định ngữ (1) và (2) là không đồng nhất. Khác với trường hợp dưới (Ví dụ 7), (1) và (2) lại biến thành vị ngữ có cùng chủ ngữ, không phải là mệnh đề định ngữ nữa, nên chỉ cần có dấu phẩy là có thể tách ra được:

Ví dụ (7): Người (1) mới từ Nhật về, (2) đã vào công ty được vài tuần, chính là cô kia kia. Như trên ta thấy khi có trên một định ngữ, để dễ dàng nhận biết các định ngữ, thì việc sử dụng “mà” là cần thiết trước định ngữ là mệnh đề có đầy đủ chủ vị, đặc biệt khi chủ ngữ ở các định ngữ là không đồng nhất. Việc cần thiết phải sử dụng “mà” hay không là do *tính rõ nghĩa* quyết định. Khi câu có từ hai định ngữ trở lên mà cấu trúc của nó không đồng nhất, có định ngữ là ngữ, có định ngữ là mệnh đề như ví dụ 5, 6 thì dùng “mà” trước mệnh đề sẽ rõ nghĩa hơn.

b) Khi “mà” cùng giới từ như *khi, trong, ở* v.v. để tạo trạng ngữ cho mệnh đề định ngữ thì cần dùng “mà”

Hãy xem những câu sau đây của sinh viên:

Ví dụ (1) CS: Bóng bầu dục Mỹ là môn thể thao *mà* các cầu thủ cùng nghĩ ra chiến thuật để tiến lên phía trước.

Ví dụ (2) CS: Tranh Đám cưới chuột của tranh Tết Trung Quốc là tranh vẽ về một câu chuyện cổ *mà* bố mẹ chuột cho con gái mình lấy chồng con mèo.

Ví dụ (3) CS: Tranh Hứng dừa là tranh được vẽ phong cảnh *mà* cô gái hơn hờ nhận hai quả dừa của chàng trai từ trên cây dừa thả xuống.

Những câu trên có một định ngữ là mệnh đề, nhưng không phải là ở cương vị bổ ngữ (Trường hợp 1) nên nếu lược bỏ “mà” sẽ có thể gây khó hiểu. Ở những câu này nếu dùng “mà” để nối định ngữ với danh từ, thì cần thêm một yếu tố nào đó sau “mà” để làm rõ cương vị trạng ngữ của “mà”. Câu chưa đúng như sau:

Ví dụ (1) CCD: Bóng bầu dục Mỹ là môn thể thao *mà khi chơi* các cầu thủ cùng nghĩ ra chiến thuật để tiến lên phía trước.

Ví dụ (2) CCD 1: Tranh Đám cưới chuột trong tranh Tết Trung Quốc là tranh vẽ về câu chuyện cổ *mà trong đó* bố mẹ chuột cho con gái mình lấy chồng mèo.

Ví dụ (3) CCD 1: Tranh Hứng dừa là tranh vẽ cảnh *mà trong đó* một cô gái hơn hờ nhận hai quả dừa của chàng trai từ trên cây thả xuống.

Từ những ví dụ trên cho thấy khi dùng “mà” ở cương vị trạng ngữ thì thường phải kết hợp với các

giới từ như *khi, trong, ở* v.v. để tạo trạng ngữ và lúc đó thì “mà” trở nên bắt buộc phải có. Vì trong các ví dụ trên giữa danh từ và mệnh đề định ngữ có cách nhau bằng trạng ngữ của mệnh đề như *khi chơi, trong đó, ở đó* v.v., ranh giới của mệnh đề không rõ, gây khó hiểu, vì vậy cần “mà” để tách hẳn mệnh đề định ngữ ra.

2.2. Mối liên hệ giữa quan hệ từ “mà” và tính rõ nghĩa

Như trên đã nói trong tiếng Việt quan hệ từ “mà” không nhất thiết phải hiện diện.

Sở dĩ có trường hợp không bắt buộc dùng “mà”, tức là có thể dùng cũng được và không dùng cũng được (Trường hợp 1), và có trường hợp bắt buộc dùng “mà” (Trường hợp 3) là do *tính rõ nghĩa* quyết định. Khi nghĩa đã rõ thì lúc đó không nhất thiết phải dùng “mà” và ngược lại. Không phải chỉ khi có nhiều định ngữ thì định ngữ nào là mệnh đề mới cần “mà” như đã trình bày trong Trường hợp 3a, mà ngay cả khi chỉ có một mệnh đề định ngữ tính rõ nghĩa cũng là yếu tố quyết định sự hiện diện của “mà”. Hãy so sánh hai ví dụ sau:

Bóng bầu dục Mỹ là môn thể thao (*mà*) tôi rất thích.

Bóng bầu dục Mỹ là môn thể thao mà khi chơi các cầu thủ cùng nghĩ ra chiến thuật để tiến lên phía trước.

Có thể thấy “mà” trong câu ví dụ trên thì không bắt buộc phải có (thuộc Trường hợp 1), trong khi đó “mà” ở câu dưới thì cần phải có (thuộc Trường hợp 3).

Cũng như vậy, thậm chí ở ví dụ (2) (3) của Trường hợp 3b bên trên có thể dùng mệnh đề làm định ngữ trực tiếp cho danh từ “câu chuyện” “cảnh” với lý do đã rõ nghĩa, tức là lược bỏ phần trạng ngữ *mà trong đó*. Trên thực tế cách nói không có “mà” này tự nhiên hơn.

Ví dụ (2) CCD 2: Tranh Đám cưới chuột trong tranh Tết Trung Quốc là tranh vẽ về một câu chuyện cổ. Đó là câu chuyện bố mẹ chuột cho con gái mình lấy chồng mèo.

Ví dụ (3) CCD 2: Tranh Hứng dừa là tranh vẽ cảnh một cô gái hôn hờ nhận hai quả dừa của chàng trai từ trên cây thả xuống.

2.3. Nguyên nhân gây ra lỗi của sinh viên

Xem xét những lỗi dùng sai “mà” trên đây của sinh viên có thể nhận thấy phần lớn lỗi là lỗi giao thoa qua tiếng Anh. Người học đã áp dụng cách dùng “mà” như đại từ quan hệ *who, which, that...* trong tiếng Anh để tạo câu tiếng Việt.

Dễ dàng nhận thấy điều này nhất là ở những lỗi dùng “mà” với cương vị chủ ngữ của cấu trúc định ngữ (xem Trường hợp 2). Lỗi kiểu này xuất hiện nhiều khiến chúng ta nghĩ rằng có thể do cách giảng dạy và các bài luyện liên quan chưa được thấu đáo và đầy đủ chăng?

Mặt khác, theo chúng tôi, những lỗi dùng “mà” ở các ví dụ (1) đến (3) trong Trường hợp 3b và

những lỗi dùng “mà” dưới đây cũng có thể nghĩ là do ảnh hưởng của cách nói trong tiếng Nhật. Trong tiếng Nhật có cách nói 「～という」, dùng để giải thích nội dung, định nghĩa cho danh từ, khái niệm v.v. và sinh viên đã dùng quan hệ từ “mà” để tạo cấu trúc định ngữ cho danh từ. Trường hợp định ngữ là mệnh đề thì chúng ta đã có giải pháp như trình bày ở trên (Trường hợp 3b). Còn trường hợp định ngữ chỉ là một ngữ không phải mệnh đề thì thuộc Trường hợp 2, tức là không thể dùng “mà” và dùng ngữ đó làm định ngữ trực tiếp.

Ví dụ (1) CS: Tôi có thể hiểu được tình cảm mà bị bắt trộm con chó dễ thương của mình và rất tức giận cho kẻ trộm. (～という気持ち)

Ví dụ (1) CCD: Tôi có thể hiểu cảm xúc của người bị bắt trộm con chó cưng của mình và cảm giác căm giận kẻ trộm chó của người đó.

Ví dụ (2) CS: Chẳng hạn như, đảm nhiệm một nhân bệnh có văn hoá mà kiêng làm bị thương thân nên từ chối phẫu thuật thì việc không hiểu văn hóa đó gây ra sự hiểu sai và thiệt hại lớn ở cả hai bên. (～という文化)

Ví dụ (2) CCD: Chẳng hạn như phụ trách một bệnh nhân có văn hóa tránh làm tổn thương thân thể, do đó mà khước từ phẫu thuật thì việc không hiểu về văn hóa đó có thể gây sự hiểu sai và thiệt hại lớn cho cả hai bên.

Ngoài lỗi giao thoa qua tiếng Anh và tiếng Nhật ra, chúng tôi cho rằng trong các lỗi được dùng để phân tích ở trên cũng có những lỗi là lỗi tự đích. Những lỗi này sinh ra do việc người học chưa nắm rõ các cách dùng quan hệ từ “mà” trong tiếng Việt, ví dụ như không thể dùng “mà” khi định ngữ không phải là mệnh đề hay sau danh từ riêng, tên riêng, đại từ nhân xưng.

Tóm lại, khi dạy quan hệ từ “mà” trong tiếng Việt cần lưu ý làm rõ cho người học các trường hợp sau: khi nào không nhất thiết phải dùng (có thể dùng cũng được, không dùng cũng được), khi nào không được dùng, khi nào cần phải dùng và tại sao cần phải dùng. Hi vọng bài viết này với việc chỉ ra các trường hợp liên quan đến cách sử dụng “mà” trên cơ sở phân tích những lỗi mà người học hay mắc phải sẽ giúp người học nắm rõ hơn cách dùng quan hệ từ “mà” trong tiếng Việt, một vấn đề hầu như chưa được đề cập một cách đầy đủ trong các giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Anh Quế

1988 Hư từ trong tiếng Việt hiện đại, Nxb KHXH, Hà Nội.

Nguyễn Như Ý- chủ biên

1998 Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Văn hóa Thông tin.

Nguyễn Thiện Nam

2001 Khảo sát lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài và những vấn đề liên quan, Luận án tiến sĩ ngữ văn, ĐHQG Hà Nội, ĐHKHXH và NV

Vũ Văn Thi

1996 Tiếng Việt cơ sở, Nxb KHXH, Hà Nội